

Số: 01/2026/NQ-HĐND

Cái Nước, ngày 28 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Cái Nước

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Cái Nước về dự thảo Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Cái Nước; Báo cáo thẩm tra số 60/BC-BKTNS ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Cái Nước.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Cái Nước theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 và khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Cái Nước.

Điều 3. Tổng định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật được ban hành mới hoặc thay thế

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã: 10.000.000 đồng/văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã: 8.000.000 đồng/văn bản.

2. Định mức khoán chi đối với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung

a) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên, mức chi bằng 100% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 60% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật, mức chi bằng 30% tổng mức chi đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và quyết định của Ủy ban nhân dân xã được thực hiện theo các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, cụ thể như sau:

a) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này;

b) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân xã ban hành mới, thay thế thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này;

c) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này;

d) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này;

đ) Định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần và bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thực hiện định mức khoán chi quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều này do các Ban của Hội đồng nhân dân xã trình, không thực hiện thẩm định thì định mức khoán chi từng nhiệm vụ.

hoạt động tương ứng với tỷ lệ như sau: soạn thảo văn bản 55%; tổng hợp, rà soát hồ sơ trình 10%; thẩm tra 25%; thông qua 10%.

3. Người đứng đầu các cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra, thông qua văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này để quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm cụ thể do đơn vị mình thực hiện.

Điều 5. Lập dự toán, quyết toán và kinh phí thực hiện

1. Hằng năm, cơ quan phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã căn cứ nhiệm vụ, hoạt động xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, lập dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí theo phương thức khoán chi đối với từng nhiệm vụ, hoạt động quy định tại Điều 4 Nghị quyết này được thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Kinh phí thực hiện công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 11 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các tổ đại biểu HĐND và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Cái Nước khóa II, Kỳ họp thứ 5 (chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2026. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (cập nhật CSDL quốc gia về PL);
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Thường trực UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các phòng, ban, ngành thuộc UBND xã;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Trang thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Tuấn



Phụ lục I

**ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BAN HÀNH MỚI, THAY THỂ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10
năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Cai Nuec)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoản chi
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000
Tổng		100%	10.000.000



Phụ lục II
ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BAN HÀNH MỚI, THAY THẾ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10
năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Cai Nướt)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoản chi
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000
Tổng		100%	8.000.000



Phụ lục III
ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI
VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 02 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
TRỞ LÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10
năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Cai Nuec)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoản chi
I	ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ	100%	10.000.000
1	Soạn thảo văn bản	50%	5.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	1.000.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	1.000.000
4	Thẩm tra	20%	2.000.000
5	Thông qua	10%	1.000.000
II	ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ	100%	8.000.000
1	Soạn thảo văn bản	70%	5.600.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	1.200.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	1.200.000



Phụ lục IV

ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA 01 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Cái Nước)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoản chi
I	ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ	100%	6.000.000
1	Soạn thảo văn bản	50%	3.000.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	600.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	600.000
4	Thẩm tra	20%	1.200.000
5	Thông qua	10%	600.000
II	ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ	100%	4.800.000
1	Soạn thảo văn bản	70%	3.360.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	720.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	720.000



Phụ lục V

ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN HOẶC BÃI BỎ TOÀN BỘ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Cái Nước)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ	Định mức khoản chi
I	ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ	100%	3.000.000
1	Soạn thảo văn bản	50%	1.500.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	10%	300.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình	10%	300.000
4	Thẩm tra	20%	600.000
5	Thông qua	10%	300.000
II	ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ	100%	2.400.000
1	Soạn thảo văn bản	70%	1.680.000
2	Thẩm định hồ sơ dự thảo	15%	360.000
3	Tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	15%	360.000